

Bản án số: 08/2024/HSST

Ngày: 19 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒ, TỈNH KG

- **Thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các H thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Dân.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn M Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thanh T, sinh năm 1999 tại huyện HỒ, tỉnh KG; nơi cư trú: ấp Kinh 9, xã BG, huyện HỒ, tỉnh KG; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1; bị cáo không có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2022 cho đến nay. (có mặt)

- **Bị hại:** Ông Phạm Thanh T1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp kinh 4, xã BG, huyện HỒ, tỉnh KG; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

1. Ông Đào Quốc V là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Kim Long thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí M; có mặt.

2. Ông Hồ Văn T3 là Luật sư của Công ty Luật TNHH Kim Long - Chi nhánh RG, tỉnh Kiên Giang thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

3. Ông Ngô Văn H là Luật sư của Công ty Luật TNHH Kim Long - Chi nhánh RG, tỉnh Kiên Giang thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí M; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp kinh 9, xã BG, huyện HD, tỉnh KG; có mặt.

2. Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp kinh 9, xã BG, huyện HD, tỉnh KG; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn M T5, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp kinh 9, xã BG, huyện HD, tỉnh KG; có mặt.

4. Ông Phạm Văn T4 sinh năm 1964; địa chỉ: ấp kinh 9, xã BG, huyện HD, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào sáng ngày 08/6/2022 Phạm Thanh T, Phạm Thanh T1, Phạm Văn M cùng một số người thợ khác xây dựng công trình nhà, trong lúc làm việc T và T1 xảy ra mâu thuẫn cãi vã qua lại.

Ngày 09/6/2022, khoảng 15 giờ tại nhà T tổ chức nhậu (uống bia) tham gia tiệc nhậu gồm: T, Phạm Văn M, Phạm Thanh P, Trần Văn P1, Phan Văn Đ, Trần Văn S. Trong lúc đang uống bia, điện thoại của T báo có tin nhắn T lấy điện thoại mở xem thấy tin nhắn của T1 với nội dung: *“Hôm qua tao không nói gì, mày kiểm chuyện với tao, tao nhin mày nhiều rồi, hôm nay mày muốn gì tao chiều, hẹn gặp mày chiều nay”*. Sau khi coi tin nhắn của T1, T đưa điện thoại của T cho M xem nội dung tin nhắn, M xem xong đưa điện thoại của T cho Nguyễn Thị Mỹ (Mỹ là vợ của M) xem tin nhắn của T1. Mỹ cầm điện thoại và đọc tin nhắn của T1 nhắn cho T, mọi người có mặt tại tiệc nhậu đều nghe được. Sau đó Mỹ trả điện thoại cho T, lúc đó mọi người có mặt tại tiệc nhậu đều khuyên T *“thôi bỏ đi anh em không à”*, mọi người tiếp tục nhậu đến khoảng 19 giờ cùng ngày tất cả uống hết hơn 02 thùng bia thì nghỉ, ai về nhà người đó.

Lúc này, T đã trong tình trạng say do uống nhiều bia, T đi ra chiếc võng ở trước hàng ba nhà nằm nghỉ (nhà T quay mặt ra sông HT - RG) T nhìn thấy M xuống xuống bơi qua sông HT - RG đi lên đường Quốc lộ 80. T nghĩ M đi qua Quốc lộ 80 để đi đến nhà T1 nói chuyện về việc nội dung tin nhắn của T1 gửi cho T hỏi chiều, sợ M trong tình trạng say sẽ dẫn đến đánh nhau với T1. T điện thoại cho Nguyễn Thanh T6 (T6 là anh rể của T nhà ở cặp Quốc lộ 80 cách nhà T1 khoảng 300 mét). T nói với T6, *“ông Q (M) ổng say lắm rồi, ông đi lại nhà ông H*

(T1) *anh lại dắt ông về để ông say ông H đánh ông*”. M bơi xuống qua sông thì đi bộ đến nhà T1 lúc này nhà T1 đã đóng cửa. M đứng trước cửa nhà T1 kêu nhưng T1 không mở cửa, M dùng tay đập và dùng chân đá vào cánh cửa, chửi “*mẹ mày kêu tao qua đây mày trốn hả, mày ngon ra đây*”. Lúc này, T1 ở trong nhà nhìn qua Cammera thấy M đứng ngoài đập cửa nhà mình la lối, T1 cầm chiếc bình nước siêu tốc từ trong nhà mở cửa đi ra, thấy T1 cầm bình nước M bỏ chạy về hướng HT. T1 rượt theo ném (chọi) chiếc bình về hướng M nhưng không trúng M, thời điểm này con gái T1 tên Phạm Thị Ngọc M3 thấy T1 và M đánh nhau nên điện thoại cho bà Lâm Thị T8 (bà T8 là bà ngoại của M3) nói với bà T8 báo Công an giúp vì có người đến nhà đập phá. Sau khi nghe điện thoại của M3, bà T8 kêu Lê Văn T7 (T7 là con rể của bà T8, anh em cột chèo với T1) chạy lên nhà T1 xem có chuyện gì, T7 chạy xe mô tô lên nhà T1.

Nguyễn Thanh T6 sau khi nghe điện thoại của T thì từ nhà đi bộ đến nhà T1, thấy M đứng ở mé đường Quốc lộ 80 trước nhà ông Trần Văn H (nhà ông H sát vách nhà T1 về hướng HT), T6 kêu M đi về nhưng M không đi về. Lúc này, T7 vừa chạy xe mô tô đến nhà T1, T7 nhìn thấy ở mé đường có 01 khúc sắt (sắt phi 10) T7 nhặt khúc sắt cầm trên tay đi đến hỏi T6 “*mày đứng đây làm gì*” và dùng khúc sắt đánh T6, T6 đưa tay chụp được khúc sắt của T7, 02 người ẩu đả với nhau một lúc thì cả hai tự nghĩ không đánh nhau nữa, T7 đi vào nhà T1, T6 dẫn M đi về.

T sau khi điện thoại cho T6, T nằm võng coi điện thoại khoảng hơn 30 phút không thấy T6 đưa M về, T đi bộ đến nhà ông Phạm Văn Thông cách nhà T khoảng 100 mét (ông Thông là bác ruột của T là cha của anh T1) T mượn chiếc xuống của ông Thông bơi qua sông sáng HT – RG đi lên đường Quốc lộ 80, đi bộ về hướng nhà T1. Trên đường đi T nhìn thấy ở mé đường có một chiếc bàn cào bằng kim loại không có cán (bàn cào màu sáng, chiều dài bàn cào khoảng 40 cm, có nhiều răng nhọn khoảng cách giữa các răng 10cm, T không xác định được chính xác vị trí nhặt chiếc bàn cào và không nhớ chính xác đặc điểm cụ thể của chiếc bàn cào). T nhặt chiếc bàn cào cầm trên tay tiếp tục đi về hướng nhà T1, khi đến trước cửa nhà ông H.

T nhìn thấy T1 đang đứng ở mé đường trước cửa nhà ông H, T nhào tới tay phải cầm chiếc bàn cào (cầm ngay ở vị trí lỗ khoen để tra cán bàn cào) đứng đối diện, sát với T1. T do chiếc bàn cào lên đánh từ trên xuống trúng vào đầu T1, T1 dùng chân đập T làm cả hai đều té ngã xuống mặt đường, T đứng dậy lúc này T1 vẫn còn nằm dưới mặt đường T cầm cây bàn cào nhào tới khom người xuống đánh T1 thêm mấy cái nữa (T không xác định lúc này T dùng bàn cào đánh T1 bao nhiêu cái chỉ nhớ đánh trúng vào vùng bụng và vùng ngực của T1 do lúc đó T đã say). T1 la lên “*nó đâm anh rồi*” nghe tiếng T1 la Trần Thị Q (vợ T1) từ trong nhà cầm dao chạy ra thấy T, Q cầm dao quơ ngang trúng vào mặt trước cẳng chân phải T, T bị đứt chân chảy máu. T cầm chiếc bàn cào chạy vào nhà ông H, lúc này nhà ông H

đóng của ông H ở trong nhà nghe bên ngoài có tiếng la lớn đánh nhau, ông H mở cửa nhà ra thì T chạy vào trong nhà ông H và điện thoại cho T6 biết T bị chém.

Ông H đóng cửa nhà lại, thấy chân T chảy nhiều máu ông H kêu Trần Hoàng K (K con trai của ông H) lấy vải bó vết thương cho T và đưa T xuống chiếc võ đẩu ở sau nhà ông H chở về. Trước khi xuống võ T điện thoại cho bạn tên Lưu Hữu Dự đến chở T đến Trạm y tế Sư đoàn 4 băng bó vết thương, sau khi điện thoại cho Dự, T cầm theo chiếc bàn cào đi xuống võ và ném bỏ xuống sông HT – RG. Còn T1 sau khi bị T đánh được người nhà đưa đến Trạm Y tế Sư đoàn 4 cấp cứu sau đó T1 được chuyển đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang điều trị đến ngày 17/6/2022 ra viện.

Về vấn đề khác:

* Vật chứng trong vụ án thu giữ được gồm: 01 (một) khúc gỗ dài 78cm, đường kính 53cm, bán kính 16cm; 01 (một) cây sắt, loại sắt phi 10, chiều dài 85cm; 01 (một) ấm siêu tốc bằng kim loại, màu trắng, đế bằng nhựa, tay cầm bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu MUTICA, đã qua sử dụng.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 474/TgT ngày 08/8/2022 của T1 tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Phạm Thanh T1:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm vùng trán – thái dương phải, trán phải, ngực phải, hông - trái, đùi trái, đùi phải (02 vết) và sẹo phẫu thuật. Vết thương vùng hạ vị trái đã được phẫu thuật thám sát thấy rách thanh mạc hồi tràng, đã được phẫu thuật khâu thanh mạc.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở: Vùng trán – thái dương phải là: 02% (Hai phần trăm); vùng trán phải là: 01% (Một phần trăm); vùng ngực phải là: 01% (Một phần trăm); vùng hông trái là: 01% (Một phần trăm); vùng hạ vị trái là: 15% (Mười lăm phần trăm); vùng đùi trái là: 02% (Hai phần trăm); vùng đùi phải (02 vết) là: 1,99% (Một phẩy chín mươi chín phần trăm); mỗi vết 01% (Một phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên hiện tại là: 23% (Hai mươi ba phần trăm).

4. Vật gây thương tích: Thương tích vùng hạ vị do vật sắc nhọn gây nên; các thương tích vùng trán – thái dương phải, ngực phải, hông trái, đùi trái và đùi phải do vật có cạnh sắc gây nên. Vật chứng khúc gỗ đánh dấu số 1 và thanh kim loại đánh dấu số 2 không có khả năng gây ra các thương tích trên.

5. Về cơ chế hình thành thương tích: Thương tích vùng trán – thái dương phải do vật có cạnh sắc tác động từ trước ra sau và từ phải sang trái so với trục giải phẫu của cơ thể. Thương tích vùng trán phải do vật có cạnh sắc tác động từ trước

ra sau so với trục giải phẫu của cơ thể. Thương tích vùng ngực phải do vật có cạnh sắc tác động từ trước ra sau và từ phải sang trái so với trục giải phẫu của cơ thể. Thương tích vùng hạ vị trái và hông trái do vật sắc nhọn tác động từ trước ra sau và từ trái sang phải so với trục giải phẫu của cơ thể. Thương tích vùng đùi phải và đùi trái do vật có cạnh sắc tác động từ trước ra sau so với trục giải phẫu của cơ thể.

Tại Công văn số 07/CV-CSĐT ngày 19/01/2024 của T1 tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận:

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 474/TgT ngày 08/8/2022 của T1 tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, thì vật gây thương tích có 2 đặc tính khác nhau: một là vật có cạnh sắc; hai là vật sắc nhọn. Tuy 2 đặc tính khác nhau, nhưng không thể khẳng định 2 đặc tính trên là do 2 loại hung khí gây nên; Vì một loại hung khí cũng có 2 đặc tính này (Ví dụ cây dao Thái Lan vừa có cạnh lưỡi sắc, cạnh lưỡi dao hợp với cạnh sống dao tạo thành mũi nhọn của dao nên nó vừa là vật sắc cũng vừa là vật sắc nhọn. Như vậy cây dao Thái Lan hay những loại hung khí có dạng như cây dao Thái lan đều có 2 đặc tính vừa là có cạnh sắc lại vừa là vật sắc nhọn).

Hung khí là chiếc bàn cào bằng kim loại như Công văn Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hòn Đất cung cấp chỉ mô tả đặc tính của hung khí như đã nêu trên thì không đủ cơ sở để kết luận cây bàn cào bằng kim loại có thể gây ra được thương tích của ông Phạm Thanh T1 hay không.

T1 tâm Pháp y đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hòn Đất phải cung cấp vật chứng (cây bàn cào) và trưng cầu giám định bổ sung theo đúng quy định. Tuy nhiên, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định không tìm được hung khí và tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát cũng xác định không tìm được hung khí để yêu cầu trưng cầu giám định.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị hại là ông Phạm Thanh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị và các khoản chi phí khác tổng số tiền 486.641.287 đồng. Ông Phạm Văn T4 là cha bị cáo đã tạm nộp vào Cơ quan T7 hành án dân sự huyện Hòn Đất số tiền 15.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại và bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền là 10.000.000 đồng.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội cố ý gây thương tích đối với T để điều tra.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 41/CT-VKS-HĐ ngày 30/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo

quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-HD ngày 10/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất giữ nguyên quan điểm đề nghị truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị H đồng xét xử (HĐXX) áp dụng:

Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại tổng các khoản T7ệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là 125.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX tịch thu, tiêu hủy vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKS HĐ ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Người bị hại là ông Phạm Thanh T1 rút một phần yêu cầu bồi thường T7ệt hại, đồng ý cho bị cáo bồi thường các khoản T7ệt hại tổng cộng là 125.000.000 đồng, bao gồm: Chi phí khám bệnh, chữa bệnh, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 23.300.000 đồng; công lao động người bệnh: 06 tháng x 10.500.000 đồng = 63.000.000 đồng; công lao động người nuôi bệnh: 17.100.000 đồng; tổn thất tinh thần: 12 tháng lương x 1.800.000 đồng/tháng = 21.600.000 đồng. Ông T1 yêu cầu H đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trình bày: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị về tội phạm, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 125.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo T xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và gửi lời xin lỗi người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS).

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Vào khoảng 19 giờ ngày 09/6/2022, tại ấp Kinh 4, xã BG, huyện HD, tỉnh KG. Do có mâu thuẫn với ông T1 nên bị cáo T đã có hành vi cầm chiếc bàn cào bằng kim loại có nhiều răng nhọn sắc đánh vào đầu, người và đùi của ông T1 gây thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 23%. Hành vi của bị cáo T không có ý định tước đoạt mạng sống của ông T1.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đối chiếu hành vi của bị cáo với các quy định của pháp luật đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Giữa bị cáo T và ông T1 tuy có mâu thuẫn trước, ông T1 đã có hành vi nhắn tin khiêu khích, hẹn gặp nhưng ông T1 chưa xâm phạm đến sức khỏe của bị cáo. Sau khi đã điện thoại nhờ ông T6 đón ông M về, đáng lẽ khi gặp người bị hại, bị cáo nên xử sự đúng pháp luật để giảm bớt thiệt hại xảy ra nhưng bị cáo lại dùng hung khí nguy hiểm gây ra tổn thương cơ thể cho ông T1 là đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của ông T1 và gây mất an ninh trật tự trị an xã H.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự thể hiện có nhân thân tốt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T đã thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, người bị hại cũng có một phần lỗi và tại phiên tòa người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên HĐXX chấp nhận lời đề nghị của đại diện VKS quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng trong khung hình phạt liền kề theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường T7ệt hại:

Căn cứ quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại, bị cáo sẽ bồi thường T7ệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho ông T1 số tiền tổng cộng là 125.000.000 đồng bao gồm các khoản T7ệt hại: Chi phí khám bệnh, chữa bệnh, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 23.300.000 đồng; công lao động người bệnh 63.000.000 đồng; công lao động người nuôi bệnh 17.100.000 đồng; tổn thất tinh thần 21.600.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền bị cáo đã đưa trước là 10.000.000 đồng và số tiền đã tạm nộp tại Chi Cục T7 hành án dân sự huyện Hòn Đất là 15.000.000 đồng. Bị cáo còn phải bồi thường thêm cho người bị hại số tiền là 100.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 (một) khúc gỗ dài 78cm, đường kính 53cm, bán kính 16cm; 01 (một) cây sắt, loại sắt phi 10, chiều dài 85cm; 01 (một) ấm siêu tốc bằng kim loại, màu trắng, đế bằng nhựa, tay cầm bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu MUTICA, đã qua sử dụng. Do vật chứng không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKS HĐ ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa người bị hại là ông T1 trình bày trong lúc ông T1 bị bị cáo đánh ông T1 bị té nằm ngửa ra mặt đường bị T6 ngồi lên hai chân cầm dao đâm vào đùi trái của T1 02 nhát (hai nhát đâm cùng vị trí). Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định chỉ có một mình bị cáo T đánh ông T1, ông T6 không có mặt tại thời điểm đó (do ông T6 đã đưa ông M về), không có đủ căn cứ để chứng M ông T6 dùng dao đâm vào đùi trái của ông T1 02 nhát như lời trình bày của ông T1 nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

Bị cáo T trình bày sau khi bị cáo đánh ông T1, ông T1 la lên thì bà Trần Thị Q (vợ ông T1) từ trong nhà cầm dao chạy ra quơ ngang trúng vào mặt trước cằm chân phải của bị cáo gây thương tích, bà Q không thừa nhận, tại thời điểm đó không có ai chứng kiến vụ việc, bị cáo T không yêu cầu xử lý, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với ông Phạm Văn M có hành vi dùng tay đập và chân đá vào cửa nhà của ông T1 nhưng không làm hư hỏng tài sản gì nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với ông Nguyễn Thanh T6 và ông Lê Văn T7 có hành vi đánh nhau nhưng không gây thương tích cho nhau, ông T6 và ông T7 đều không yêu cầu xử lý nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý.

Cơ quan cảnh sát điều tra thông báo hành vi vi phạm của ông Phạm Văn M, ông Nguyễn Thanh T6, ông Lê Văn T7, bà Trần Thị Q cho Công an xã BG để theo dõi giáo dục.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".
2. Áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 05/10/2022.
3. Về trách nhiệm bồi thường T7ệt hại: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Thanh T và người bị hại là ông Phạm Thanh T1 về việc bị cáo sẽ bồi thường Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho ông T1 số tiền tiền tổng cộng là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng), bao gồm các khoản thiệt hại: Chi phí khám bệnh, chữa bệnh, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 23.300.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng); công lao động người bệnh 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng); công lao động người nuôi bệnh là 17.100.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm nghìn

đồng) và tổn thất tinh thần là 21.600.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo được khấu trừ vào số tiền đã đưa trước là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và số tiền đã tạm nộp là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001412 ngày 06/3/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất. Bị cáo còn phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKS HĐ ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi cục T7 hành án dân sự huyện;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Giang Thành;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú